



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Phòng Thông tin - Văn hoá

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh

Hà Nội, Việt Nam

(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ
CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN QUỐC TẾ
BẦU CỬ MỸ NĂM 2000

BẦU CỬ QUỐC HỘI

JONH ALDRICH

Jonh Aldrich là giáo sư của trường đại học Prizerpratt, quyền chủ tịch khoa Khoa học Chính trị của trường đại học Duke ở Durham, bang North California. Ông là tác giả của một số cuốn sách, bao gồm Trước Đại hội và tại sao lại có các đảng? và rất nhiều bài báo khác. Hiện ông đang là chủ tịch Hiệp hội Khoa học Chính trị miền Nam.

Trong khi phương tiện thông tin đại chúng tập trung đưa tin về cuộc bầu cử Tổng thống năm 2000 thì đồng thời người Mỹ cũng đi bỏ phiếu để bầu hàng ngàn người khác nữa vào các cơ quan nhà nước. Các cuộc bầu cử vào Quốc hội Mỹ nói riêng cũng có tính cạnh tranh và quan trọng như chiến dịch vận động tranh cử tổng thống. Sự cân bằng quyền lực trong Quốc hội giữa hai chính đảng là gần ngang nhau. Thực ra, đảng Cộng hòa nắm đa số ít ỏi sáu ghế (trên 435 ghế) tại Hạ viện, và năm ghế (trên 100 ghế) tại Thượng viện. Do đó, đảng nào sẽ kiểm soát Quốc hội sau năm 2000 vẫn còn là điều chưa chắc chắn.

Các cuộc bầu cử Quốc hội cũng quan trọng bởi vì Quốc hội giữ vai trò chính trong việc hoạch định chính sách. Khác với hệ thống quốc hội khác, hệ thống quốc hội Mỹ là hệ thống mà quyền lực được phân chia giữa Quốc hội và tổng thống. Nhiệm vụ của Quốc hội là soạn thảo và thông qua tất cả các luật trước khi Tổng thống ký (hay phủ quyết) những luật này. Ngoài ra, các cuộc bầu cử độc lập, riêng rẽ vào các cơ quan đều có nghĩa là một đảng có thể kiểm soát Quốc hội trong khi một thành viên của đảng kia làm tổng thống.

Cái gọi là nhà nước phân quyền này đã trở nên rất phổ biến. Các đảng khác đã kiểm soát Hạ viện và chức tổng thống suốt 14 trong 20 năm qua, từ năm 1994, khi đảng Cộng hòa luôn chiếm đa số trong Quốc hội thì người của đảng Dân chủ, ông Bill Clinton làm Tổng thống được sáu trong tám năm. Dù nhà nước có phân chia quyền lực hay cùng thống nhất kiểm soát Quốc hội thì nhiệm kỳ Tổng thống năm 2000 cũng sẽ đứng trước một nguy cơ rất lớn.

QUỐC HỘI ĐƯỢC LỰA CHỌN NHƯ THẾ NÀO

Hạ viện và Thượng viện có quyền lực gần ngang nhau nhưng phương pháp bầu cử của họ lại hoàn toàn khác. Những người sáng lập ra nền Cộng hòa Mỹ muốn làm cho các thành viên Hạ viện gần gũi hơn với dân chúng, phản ánh một cách trung thành mong muốn và hoài bão của họ trong việc lập pháp. Bởi vậy, những người sáng lập đã xác định Hạ viện phải tương đối lớn và phải tổ chức bầu cử thường xuyên (hai năm một lần). Lúc đầu, một số người cho rằng nhiệm kỳ hai năm là quá dài. Ngày nay, mối quan tâm phổ biến hơn lại chính là vấn đề bầu cử thường xuyên, điều này có nghĩa là những người đương nhiệm luôn phải chạy đua để được tái cử. Theo quan điểm này, các nhà lập pháp quan tâm nhiều hơn tới những gì có lợi nhất cho cơ hội bầu cử của họ chứ không phải những gì có lợi nhất cho quốc gia.

Mỗi ghế tại Hạ viện đại diện cho một khu vực địa lý, và mỗi thành viên được bầu theo quy chế mỗi đơn vị hành chính một thành viên hay đơn vị "thành viên duy nhất" theo nguyên tắc đa số (ứng cử viên được nhiều phiếu nhất sẽ thắng cử). Mỗi bang trong số 50 bang có ít nhất một ghế trong Hạ viện, số còn lại được phân cho các bang tùy theo số dân. Chẳng hạn, bang Alaska có số dân ít nhất nên chỉ có một ghế trong Hạ viện. Bang California có dân số đông nhất và hiện nắm 54 ghế.

Thượng viện lúc đầu là để đại diện cho các bang và trên thực tế, các thượng nghị sĩ lúc đầu do cơ quan lập pháp của các bang chọn ra. Chỉ từ khi thông qua luật sửa đổi lần thứ 17 của Hiến pháp năm 1913, các Thượng nghị sĩ mới do các đơn vị bầu cử của bang bỏ phiếu trực tiếp. Mỗi bang có hai nghị sĩ được bầu trong nhiệm kỳ 6 năm, với 1/3 số ghế trong Thượng viện được bầu lại và hai năm một lần. Sau đó thực ra các thượng nghị sĩ được bầu bằng đa số phiếu bầu của toàn bộ cử tri, mỗi bang với tư cách như một khu vực bầu cử với một đại diện. Các cuộc bầu cử được tiến hành theo nguyên tắc đa số, đặc biệt ở các khu vực bầu cử với một đại diện, chắc chắn sẽ dẫn đến một hệ thống chính trị chỉ với hai chính đảng. Đó là do các cử tri nhìn chung đều cho rằng ứng cử viên đảng thứ ba có ít cơ hội chiến thắng và không muốn "bỏ phí" phiếu ủng hộ. Do vậy các ứng cử viên muốn chiến thắng trong các cuộc bầu cử thường tránh gia nhập một đảng thứ ba. Nước Mỹ là minh chứng rõ nhất về các cuộc bầu cử theo nguyên tắc đa số dẫn tới hệ thống hai đảng. Trong suốt lịch sử của mình, nước Mỹ chưa bao giờ có quá hai chính đảng, trên thực tế trong thập kỷ này chỉ có một người không thuộc hai chính đảng -đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ (Hai đảng lớn ở Mỹ từ năm 1860)- được bầu vào Hạ viện và chưa một ai dành được một ghế trong Thượng viện cả.

ĐIỀU GÌ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BẦU CỬ QUỐC HỘI

Hầu như trong suốt thế kỷ này, các cuộc bầu cử Quốc hội đã đặt trọng tâm vào "các đảng". Bởi vì phần lớn các cử tri từ lâu đã trung thành với một đảng này hay một đảng khác, họ muốn bỏ phiếu cho đảng mình ủng hộ. Các thành viên Quốc hội thường được tái cử, đôi khi ở vị trí của mình tới hàng thập kỷ, bởi vì đa số các khu vực bầu cử của họ đều ủng hộ cho đảng mình. Những nỗ lực của ứng cử viên với tư cách cá nhân chỉ góp thêm chút ít sự ủng hộ cho họ (hoặc làm giảm đi). Từ những năm 1960 bản thân các ứng cử viên và các vấn đề đã nổi lên như lực lượng tác động thêm đến sự trung thành đối với đảng.

Trong những năm 1960, các cuộc bầu cử toàn quốc ngày càng "đặt trọng tâm vào các ứng cử viên". Khả năng vận động tranh cử trên truyền hình, huy động khoản tiền lớn qua thư từ trực tiếp, tiến hành các cuộc thăm dò dư luận và những khía cạnh khác của cuộc vận động tranh cử hiện đại làm cho cử tri có ý thức rõ hơn về các ứng cử viên với tư cách cá nhân. Kết quả là, ngoài sự trung thành với đảng các cử tri bắt đầu tính đến điểm mạnh và điểm yếu của ứng cử viên.

Việc bỏ phiếu đặt trọng tâm vào các ứng cử viên là một lợi thế rất lớn cho các thành viên đương nhiệm của Quốc hội. Những người đương chức xuất hiện trên truyền hình, trong các tờ báo nhiều hơn so với các đối thủ của họ, đặc biệt trong những năm giữa các cuộc bầu cử. Với việc xuất hiện nhiều hơn trên các phương tiện thông tin đại chúng và có ảnh hưởng đáng kể tới chính sách công, những người này có khả năng huy động được lượng tiền lớn hơn cho chiến dịch vận động tranh cử. Vì những lý do đó và nhiều lý do khác nữa những người đương nhiệm chắc chắn sẽ dành thắng lợi trong cuộc tái bầu cử. Năm 1998, có 401 thành viên Hạ viện tham gia tái bầu cử và chỉ có bảy người bị thất bại, đồng thời chỉ có ba người trong số 29 thượng nghị sĩ vận động tái bầu cử bị thua. Với một tỷ lệ tái bầu cử 90% hoặc lớn hơn, các cuộc bầu cử Quốc hội không chỉ là các cuộc bầu cử đặt trọng tâm vào các ứng cử viên mà còn là cuộc bầu cử của những người đương nhiệm.

Do có nhiều tiền lại hay xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng và có danh tiếng hơn nên những người đương nhiệm đã giành chiến thắng bởi vì họ được nhiều cử tri biết đến trong khi đối thủ của họ thường không có những điều kiện này. Các bản điều tra đã cho thấy cứ hơn 9 trong số 10 người được hỏi đều biết đến tên tuổi của người đương nhiệm trong Hạ viện hay Thượng viện, nhưng chỉ năm hoặc sáu trong số mười người được hỏi biết tới

tên tuổi của các đối thủ chính, ngay cả là được hỏi vào cuối cuộc vận động tranh cử. Vì các đối thủ được biết đến quá ít nên họ rất khó thuyết phục những người có tiền ủng hộ cho mình. Trở ngại trong việc gây quỹ tranh cử thường dẫn đến chu trình không may mắn trong đó các ứng cử viên có khả năng rất mạnh thường không dám chạy đua với những người đương nhiệm có uy tín. Những người tham gia tranh cử gặp khó khăn trong việc gây quỹ để khởi động chiến dịch vận động tranh cử của họ nên họ sẽ vẫn không được nhiều người biết đến, không bao giờ vượt lên được, và điều này càng củng cố thêm niềm tin rằng những người đương nhiệm khó có thể thất bại.

Khi các đối thủ được cử tri biết đến chắc chắn họ sẽ coi hai ứng cử viên ngang nhau và ủng hộ cho ứng cử viên mà cử tri tin là họ sẽ mang đến bức thông điệp mạnh mẽ hơn. Những lời kêu gọi nào có hiệu quả nhất trong các cuộc bầu cử Quốc hội? Điều này cũng đã thay đổi, đặc biệt trong phần lớn các cuộc bầu cử gần đây.

Một cựu chủ tịch Hạ viện, Thomas P. "Tip" O'Neil, thường xuyên tuyên bố rằng "toàn bộ nền chính trị mang tính địa phương". Bằng câu nói đó ông muốn ám chỉ rằng các cuộc bầu cử Quốc hội được quyết định trên cơ sở những lợi ích và mối quan tâm riêng của mỗi khu vực chứ không dựa vào các vấn đề của đất nước. Mục tiêu có tính địa phương của các cuộc bầu cử rất phù hợp với việc gia tăng các cuộc bầu cử đặt trọng tâm vào các ứng cử viên, tạo điều kiện cho các ứng cử viên đưa ra những lời kêu gọi với khu vực riêng của họ.

Các cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 1994 là một bước ngoặt. Đảng Cộng hòa đã chiếm đa số trong Thượng viện và dành thắng lợi với số ghế đáng kinh ngạc 52 ghế trong Hạ viện bỏ xa đảng Dân chủ để lần đầu tiên nổi lên với đa số ghế trong vòng 40 năm qua. Một phần trong chiến lược của nhà lãnh đạo của họ, ngài chủ tịch Hạ viện Newt Gingrich, là một chương trình có tính lập pháp 10 điểm, được gọi là "Hợp đồng với Mỹ". Chương trình này đã được đa số lớn ứng cử viên vào Hạ viện ủng hộ ngay từ đầu chiến dịch vận động tranh cử. Sau đó họ tự do sử dụng chương trình, hoặc bất cứ phần nào trong chương trình đó trong những lời kêu gọi ủng hộ cho chiến dịch vận động tranh cử của mình, hoặc (như đã làm) lờ đi hết. Chương trình nghị sự về luật pháp trở nên quan trọng bất ngờ sau khi diễn ra bầu cử. Ông Gingrich hứa là đa số mới của đảng Cộng hòa trong Hạ viện sẽ thông qua chương trình đó trong thời gian nhanh bất ngờ 100 ngày và họ đã làm được điều đó. Nỗ lực này làm tăng thêm bề dày thành tích của Hạ viện, của đảng Cộng hòa và của vị chủ tịch Hạ viện trên toàn quốc và nó tạo ra một tiêu chuẩn mà nhờ đó các vấn đề quốc gia và một cương lĩnh có hiệu quả của một đảng có thể trở thành một thành phần chủ chốt trong các chiến dịch vận động tranh cử giữa nhiệm kỳ.

Vẫn chưa rõ là liệu các đảng có đưa ra được một chiến lược vận động tranh cử dựa trên cương lĩnh của đảng hay không. Kể từ đó, chỉ có duy nhất một cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ được tiến hành năm 1998. Trên phương diện nào đó, các cuộc bầu cử năm 1998 cũng bất ngờ như các cuộc bầu cử năm 1994. Lần đầu tiên kể từ năm 1934, đảng của Tổng thống đương nhiệm đã dành được nhiều ghế (trong trường hợp này là 5 ghế) so với đảng đối lập trong Hạ viện. Trong khi đảng Cộng hòa vẫn nắm đa số trong Hạ viện và Thượng viện thì họ lại được nhiều người biết đến về việc thất bại trong các cuộc bầu cử năm 1998. Nhiều người trong đảng này cho rằng thất bại đó là do không đưa ra được một lập trường dân tộc rõ ràng về các vấn đề. Liệu đó là đúng hay sai, các nhà lãnh đạo đảng tin rằng các vấn đề dân tộc rất quan trọng trong các cuộc bầu cử Quốc hội.

BẦU CỬ QUỐC HỘI NĂM 2000

Những thay đổi và chiều hướng đầy kịch tính của các cuộc bầu cử Quốc hội trong những năm 1990 đã làm cho việc dự báo trở nên bất lợi. Hoá ra, điểm quan trọng nhất rất có thể là những cách thức tiến hành chiến dịch vận động tranh cử trước đây không còn là những cách thức hiệu quả nhất nữa và các cử tri đang trong quá trình thay đổi cách đi đến quyết định của mình. Như vậy, chúng ta có thể trông đợi một số điều mới mẻ trong năm 2000.

Vấn đề cấp bách nhất trong năm nay là liệu các đảng viên đảng Dân chủ có dành được 6 ghế hoặc nhiều hơn thế để dành lại đa số trong Hạ viện, với 435 ghế để tham gia cuộc tái bầu cử hay không. Trong Hạ viện chỉ có 33 ghế cho tái

bầu cử thì đảng Cộng hòa đã nắm 19 ghế. Hầu hết những người đương nhiệm chắc chắn sẽ tái tranh cử, và phần lớn các thượng nghị sĩ đương nhiệm của đảng Cộng hòa là những ứng cử viên khá mạnh. Bởi vậy, các đảng viên đảng Dân chủ không chắc sẽ dành được ghế nào, chưa nói đến là nắm ghế mới. Vì thế, đa số trong Thượng viện của đảng Cộng hòa xem ra là an toàn, và sự quan tâm chú ý sẽ tập trung vào Hạ viện.

Cả hai đảng đang cố chọn ra các ứng cử viên có khả năng nhất và cố huy động các nguồn lực cho cuộc bầu cử vào Hạ viện. Điều đó phụ thuộc rất nhiều vào việc chọn ra các ứng cử viên mới, đặc biệt là những chính trị gia có kinh nghiệm, như các thành viên của Hội đồng lập pháp các bang. Tuy nhiên, điều không kém phần quan trọng là mức độ mà người được chỉ định làm tổng thống của đảng làm tăng lên hay giảm đi các cơ hội của các ứng cử viên vào Hạ viện, đặc biệt là những người đang chạy đua vào các ghế không bị người đương nhiệm tranh giành. Sự kết hợp giữa các ứng cử viên có kinh nghiệm và có ảnh hưởng vào Hạ viện và một chiến dịch vận động tranh cử mạnh mẽ của ứng cử viên Tổng thống trong đảng tạo ra những dao động lớn nhất về số ghế giữa hai đảng.

Nếu các vấn đề quốc gia ngày càng trở thành những bộ phận quan trọng trong các cuộc bầu cử tổng thống, thì lực lượng quốc gia quan trọng nhất trong năm 2000 sẽ là các ứng cử viên tổng thống và các chiến dịch vận động sự ủng hộ cho chính sách của họ. Sau các cuộc bầu cử năm 1998 Đảng cộng hòa nhận ra tầm quan trọng của vai trò lãnh đạo quốc gia, ông Gingrich từ chức và số ghế trong Hạ viện có nguy cơ bị mất đi. Xu hướng bảo thủ mạnh của ông ta thời gian ông lãnh đạo đảng Cộng hòa và sau "cuộc cách mạng nền cộng hòa" năm 1994 đã bị kiềm chế ở mức độ nào đó. Cả 2 đảng xem ra đều sẽ chọn các ứng cử viên tổng thống, những người có khả năng thuyết phục được những người trung dung trong các đảng của họ và những người không theo đảng nào. Mỗi đảng nhìn chung đều thấy chiến lược này không chỉ là quan điểm đúng đắn nhất cho các ứng cử viên tổng thống mà còn là hy vọng lớn nhất để "kéo những người khác cùng tới chiến thắng" nhằm làm cho đảng có nhiều ghế hơn trong Quốc hội, dựa trên sức mạnh của các ứng cử viên tổng thống. Chúng ta có thể chắc chắn rằng những người đương nhiệm trong Quốc hội sẽ giành được số ghế áp đảo. Tuy nhiên, đa số mỏng manh của đảng Cộng hòa trong Quốc hội đang đứng trước nguy cơ. Với một cuộc chạy đua vào chức tổng thống có tính chất mở, đầy tính cạnh tranh và các cuộc bầu cử vào Quốc hội năm 2000 có tính cạnh tranh bình đẳng thì hướng đi mà nước Mỹ chọn sẽ còn phải cân nhắc rất nhiều.

Toàn văn bằng tiếng Anh của bài viết có trên Internet tại: <http://usinfo.state.gov/products/pubs/elect00/congress.htm>